

## NGHỊ QUYẾT

Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục  
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật  
Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh

### HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-KĐCLGDSG ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Kế hoạch số 616/KH-KĐCLGDSG ngày 16 tháng 12 năm 2023 về việc ban hành kế hoạch tổ chức phiên họp lần thứ 10 của Hội đồng KĐCLGD;

Căn cứ Quyết định số 620/QĐ-KĐCLGDSG ngày 16 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục thẩm định và công nhận kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật; Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp Lần thứ 10 ngày 07 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Đoàn Đánh giá ngoài Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật của Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục độc lập, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định, quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng đã thẩm định và thống nhất kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo như sau:

Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 41 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm tỉ lệ 82,00 %; trong đó, mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu”.

Điểm trung bình của các tiêu chí là: **3,82** (*chi tiết trong Phụ lục 1*).

**Điều 2.** Kiến nghị Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng giáo dục chương trình đào tạo cho giai đoạn 05 năm đánh giá tiếp theo (từ năm 2023 đến năm 2028), được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng (*chi tiết trong Phụ lục 2*).

**Điều 3.** Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật của Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học cho ngành Ngôn ngữ Nhật của Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh./.

**Nơi nhận:**

- Trường ĐHHVTP.HCM (*để thực hiện*);
- Phòng ĐG&CNCLGD (*để giám sát*);
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN KIM DUNG**





**PHỤ LỤC 1.**

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG TP.HCM**

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐKĐCLGD ngày 07/01/2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn					
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			
<b>Tiêu chuẩn 1</b>		4,00	3	100	<b>Tiêu chuẩn 7</b>		4,00	5	100			
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4						
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4						
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4									
<b>Tiêu chuẩn 2</b>		4,00	3	100	Tiêu chí 7.4	4				Tiêu chí 7.5	4	
Tiêu chí 2.1	4				<b>Tiêu chuẩn 8</b>		4,00	5	100			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chí 8.1	4						
Tiêu chí 2.3	4	Tiêu chí 8.2	4									
<b>Tiêu chuẩn 3</b>		3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.3	4						
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.4	4						
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.5	4						
Tiêu chí 3.3	4	<b>Tiêu chuẩn 9</b>		3,80	4	80,00						
<b>Tiêu chuẩn 4</b>		3,67	2				66,67	Tiêu chí 9.1	3			
Tiêu chí 4.1	4							Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.2	4							Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 4.3	3	<b>Tiêu chuẩn 10</b>					3,67	4	66,67			
<b>Tiêu chuẩn 5</b>		3,80	4	80,00	Tiêu chí 9.4	4						
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chí 5.2	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>					3,80	4	80,00
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4						
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4						
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3									
<b>Tiêu chuẩn 6</b>		3,71	5	71,42	Tiêu chí 10.4	3						
Tiêu chí 6.1	3				Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.3	4				<b>Tiêu chuẩn 11</b>		3,80	4	80,00			
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4						
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4						
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4						
Tiêu chí 6.7	3	Tiêu chí 11.4	3									
					Tiêu chí 11.5	4						
<b>Mức trung bình</b>					<b>Số tiêu chí đạt</b>		<b>Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)</b>					
<b>3,82</b>					<b>41</b>		<b>82,00</b>					



## PHỤ LỤC 2

# KIẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG TP.HCM

*(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐKĐCLGD ngày 07/01/2024  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)*

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Nhật của Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh (Trường) đã được Trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy:

### I. Những điểm mạnh nổi bật của chương trình đào tạo

1. Mục tiêu chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học; đáp ứng nhu cầu xã hội, phù hợp xu hướng quốc tế. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, mô tả cụ thể, đánh giá được các mức độ cần đạt của người học tốt nghiệp; bao gồm kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cũng như triển vọng việc làm trong tương lai; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học đã được quy định tại Luật Giáo dục. Chuẩn đầu ra phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có tham khảo ý kiến của cán bộ quản lý, giảng viên, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, và các chuyên gia trong các lần rà soát. Chuẩn đầu ra đã được công bố công khai, rộng rãi, bằng nhiều hình thức khác nhau.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật có đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành; được cập nhật những vấn đề mới nhất có liên quan. So với phiên bản năm 2019, bản mô tả chương trình đào tạo phiên bản năm 2022 có bổ sung và thay đổi một số học phần. Các đề cương chi tiết nhìn chung đầy đủ thông tin; được rà soát cập nhật bổ sung, điều chỉnh theo kế hoạch chung của Trường. Bản mô tả chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết học phần được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. Các bên liên quan có thể tiếp cận bản mô tả chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết một cách dễ dàng và thuận tiện.

3. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các nội dung yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Điều này thể hiện thông qua ma trận phân nhiệm của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo cho các học phần. Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học khá phù hợp, góp phần đạt được chuẩn đầu ra. Điều này được thể hiện qua ma trận kỹ năng và ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các học phần trong chương trình dạy học tương thích về nội dung và đóng góp cụ thể vào việc đạt được chuẩn đầu ra. Các học phần trong chương trình dạy học có cấu trúc bảo đảm sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Chương trình dạy học được rà soát, điều chỉnh cập nhật 02 năm/lần có tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học khác.

4. Trường đã có văn bản chính thức tuyên bố về triết lý giáo dục. Hầu hết cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học đã biết và hiểu ý nghĩa triết lý giáo dục của Trường và đã chuyển tải vào các hoạt động của mình. Triết lý giáo dục của Trường đã được phổ biến đầy đủ đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Trường và Khoa đã yêu cầu giảng viên lựa chọn, sử dụng và hướng dẫn người học sử dụng các phương pháp giảng dạy



hiệu quả. Hầu hết giảng viên và người học hài lòng về các phương pháp dạy và học đang được thực hiện. Tất cả các đề cương chi tiết trong chương trình đào tạo đã mô tả rõ các phương pháp giảng dạy khá phù hợp có chú ý đến khả năng tự học tự nghiên cứu của người học. Các phương pháp giảng dạy được giảng viên sử dụng đã góp phần hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

5. Trường đã ban hành các quy định về đánh giá kết quả của người học trong Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường trong Quy chế thi kiểm tra và đánh giá học phần và trong Quy trình thi kết thúc học phần. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế tương ứng với mục tiêu đạt chuẩn đầu ra. Giảng viên sử dụng đa dạng các phương pháp đánh giá như đánh giá quá trình, đánh giá cuối kỳ với nhiều hình thức như thi viết, thi trắc nghiệm, bài tập lớn. Các quy định về đánh giá kết quả học tập, về phản hồi về kết quả học tập, về khiếu nại kết quả học tập phức khảo được công bố công khai đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau và người học dễ dàng tiếp cận. Người học hài lòng với kết quả xử lý các khiếu nại về kết quả học tập.

6. Trường/Khoa có kế hoạch phát triển nhân sự trong giai đoạn đánh giá. Trường và Khoa đã thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm, tiếp nhận giảng viên, chuyển công tác hoặc chấm dứt hợp đồng. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá. Trường/Khoa đã cử giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ theo kế hoạch. Trường/Khoa đã triển khai việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên.

7. Trường đã xác định tiêu chí, tuyển dụng đội ngũ nhân viên có tính đến đặc thù của Trường. Trường có quy định về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng với các nội dung như điều kiện, tiêu chuẩn, nội dung đào tạo, bồi dưỡng, chế tài thực hiện. Trường đã xây dựng quy định trong đó có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên quy định chung của Nhà nước và đặc thù của Trường. Trường đã thực hiện quản trị theo kết quả công việc của nhân viên dựa trên các quy định và phân công công việc cụ thể (Đề án vị trí việc làm).

8. Trường có đề án tuyển sinh bao gồm các chính sách và quy định tuyển sinh cụ thể đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được xây dựng căn cứ quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục & Đào tạo và được cập nhật hằng năm. Có bộ phận chuyên trách và các quy trình/quy định giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của người học và cảnh báo học vụ, tư vấn việc làm và tư vấn hỗ trợ người học trong học tập và nghiên cứu khoa học. Có cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và theo dõi tỉ lệ chậm tiến độ và gia hạn học tập. Trường có phân công đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ đều có kế hoạch hoạt động và triển khai hiệu quả các chính sách học bổng. Người học được tư vấn, hỗ trợ kịp thời trong suốt quá trình học tập tại Khoa và Trường.

9. Các phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng có đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường. Các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin đều được định kỳ duy tu, bảo dưỡng và cập nhật theo quy định. Thư viện nằm ở khu riêng; được trang bị công cụ tra cứu, có nội quy và hướng dẫn sử dụng rõ ràng; có nguồn tài liệu tham khảo bản in, bản điện tử phong phú và được cập nhật hằng năm. Trường có ban hành quy định riêng và triển khai thực hiện các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe; các quy định, nội quy về an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn.



10. Có hệ thống thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các bên liên quan khi thiết kế chương trình dạy học. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thu thập, xử lý và sử dụng để rà soát, chỉnh sửa chương trình dạy học. Có quy trình thiết kế và phát triển chương trình dạy học; thực hiện rà soát, đánh giá quy trình, có cải tiến các mẫu thiết kế chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần. Trường có các văn bản quy định và hướng dẫn việc tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập của người học. Có quy định khảo sát ý kiến các bên liên quan và thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, hệ thống công nghệ thông tin và tư vấn hỗ trợ người học, các hoạt động phục vụ cộng đồng. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập có tính hệ thống, có đơn vị phụ trách công tác bảo đảm chất lượng; có các quy định, hướng dẫn thực hiện; với sự phân nhiệm cho các đơn vị chức năng, các đơn vị đào tạo; và được quy định trong các văn bản do Trường ban hành.

11. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh giữa các khóa học và các ngành trong Khoa và Trường. Có phần mềm quản lý đào tạo EDUSOFT hỗ trợ quản lý dữ liệu người học. Có tìm hiểu nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn và có các giải pháp hỗ trợ người học trong quá trình đào tạo. Phòng Đào tạo & Công tác sinh viên phối hợp với các Khoa thực hiện khảo sát hằng năm về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp. Số liệu về tình hình việc làm của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và được đối sánh với các chương trình đào tạo khác của Khoa/Trường và các trường khác trong nước. Mục tiêu, loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được quy định rõ ràng. Các hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về dịch vụ hỗ trợ, cơ sở vật chất, thư viện được triển khai định kỳ, theo quy trình và quy định. Mức độ hài lòng được đối sánh giữa các năm, giữa các ngành trong Trường. Khoa và các đơn vị liên quan trong Trường có thực hiện cải tiến các hoạt động dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan.

## **II. Những điểm cần cải thiện, bổ sung, điều chỉnh của Trường/Khoa; Kiến nghị của Hội đồng về việc đề nghị Trường/Khoa khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo**

1. Khoa cần tăng cường quy mô và đa dạng hóa hình thức khảo sát ý kiến các bên liên quan để có thể thu thập được nhiều thông tin đa chiều và thiết thực cho việc cải tiến. Khi tiến hành đối sánh giữa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Nhật của Trường với các trường đại học khác, Khoa/Bộ môn cần phân tích đầy đủ, rút ra được các nhận xét cần thiết để đưa ra các kiến nghị giúp cho việc cải tiến chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Cần tăng thêm số lượng các chương trình đào tạo ngoài Trường và quốc tế để đối sánh. Trong Báo cáo Kết quả khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực, Trường/ Khoa cần phân tích và đưa ra các nhận định chính xác, từ đó có những kiến nghị giúp cho việc rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hiệu quả hơn. Khoa cần tiếp tục phổ biến, giải thích để các bên liên quan hiểu đầy đủ nội dung và ý nghĩa chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và triết lý giáo dục của Trường.

2. Khoa cần nghiên cứu và cân nhắc trong việc bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo. Số học phần thay đổi nên khoảng 15%-20% của chương trình đào tạo hiện hành để không gây khó khăn cho việc quản lý và thực hiện. Cần trình bày Ma trận liên kết giữa chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra đánh giá thực chất và chính xác hơn. Một số hình thức kiểm tra đánh giá ở một số học phần cần được điều chỉnh, thay thế cho phù hợp với chuẩn đầu ra (CELO). Trường cần có hướng dẫn cụ thể và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan biết rõ các chương trình đào tạo của Trường trên các phương tiện thông tin đại chúng. Trường/Khoa cần tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về



khả năng và mức độ thuận tiện trong việc tiếp cận chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết đã được Trường công khai.

3. Khoa cần tiếp tục rà soát Ma trận kỹ năng của chương trình đào tạo để xác định và điều chỉnh vị trí, mức độ đóng góp của một số học phần hướng tới đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Cần rà soát, điều chỉnh hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học ở số học phần trong chương trình dạy học bảo đảm thực sự phù hợp và góp phần đạt chuẩn đầu ra. Cần rà soát điều chỉnh việc bố trí các học phần trong phần kiến thức chuyên ngành cho phù hợp và thể hiện rõ đặc trưng của chuyên ngành đào tạo. Thời lượng dành cho hoạt động thực tập tốt nghiệp cần tăng thêm để tạo điều kiện cho người học trải nghiệm thực tế nghề nghiệp nhiều hơn. Kết quả đối sánh giữa chương trình đào tạo của Trường với các chương trình đào tạo được tham khảo cần được phân tích đầy đủ hơn.

4. Trường/Khoa cần tiếp tục tuyên truyền, giải thích hướng dẫn các bên liên quan nhất là người học và giảng viên biết và hiểu rõ triết lý giáo dục của Trường đồng thời truyền tải nội dung ý nghĩa triết lý giáo dục vào các hoạt động của mình rõ nét hơn. Trường cần tăng thêm thời lượng thực tập cho phù hợp với yêu cầu của chương trình đào tạo. Khoa/Bộ môn cần tổ chức đánh giá mức độ tác động của các phương pháp giảng dạy đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy và góp phần đạt chuẩn đầu ra. Cần có kế hoạch tăng cường hơn nữa các hoạt động trải nghiệm thực tế của người học. Cần có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu khoa học. Khoa/Bộ môn cần lưu ý tăng cường rèn luyện kỹ năng Nghe-Nói để người học có thể giao tiếp tốt hơn.

5. Trường cần sớm rà soát, bổ sung vào Quy định tổ chức thi, kiểm tra đánh giá trong các kỳ thi kết thúc học phần những quy định mới theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Cần tiếp tục phổ biến, giải thích đầy đủ để người học nắm vững các nội dung quan trọng trong Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Trường. Khoa/Bộ môn cần tiếp tục rà soát, điều chỉnh và bổ sung phương pháp kiểm tra đánh giá trong một số đề cương chi tiết cho phù hợp, bảo đảm đo lường được các yêu cầu chuẩn đầu ra cần đo và bảo đảm độ tin cậy. Cần xây dựng ma trận thể hiện mối quan hệ giữa nội dung đề thi với chuẩn đầu ra của học phần. Cần tiếp tục phổ biến, giải thích để người học thực sự nắm vững quy trình khiếu nại kết quả học tập.

6. Trường/Khoa cần đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên; xây dựng kế hoạch nhân sự phù hợp với nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Trường cần xác định rõ đặc điểm, tính chất của các hoạt động phục vụ cộng đồng của đội ngũ giảng viên, để xác định khối lượng công việc cho phù hợp. Cần ban hành chính sách thu hút ứng viên có chức danh Thạc sĩ, Giáo sư, Phó giáo sư. Khoa cần xây dựng các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phục vụ cho việc phát triển đội ngũ giảng viên. Khoa cần xác định nội dung và khối lượng công việc bằng các chỉ số cụ thể liên quan đến hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên. Hồ sơ giảng viên cần được lưu trữ đầy đủ, Trường cần tăng cường hợp tác, thúc đẩy và hỗ trợ giảng viên hoạt động Khoa học và công nghệ.

7. Trường cần tuyển dụng thêm nhân viên ở một số bộ phận, cần xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên toàn Trường. Trường và Khoa cần tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả công tác đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên để có những điều chỉnh, cải tiến cho phù hợp. Trường cần có kế hoạch và tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về việc quản trị theo kết quả công việc.

8. Trường/Khoa cần đa dạng hóa đối tượng được lấy ý kiến phản hồi về chính sách tuyển sinh từ các bên liên quan để hoạt động phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực và xây



dựng chính sách tuyển sinh được chặt chẽ và bài bản; tăng cường kết nối với cựu người học trong quảng bá tuyển sinh cũng như các hoạt động khác của Khoa/Trường. Cần thực hiện theo định kỳ lịch sinh hoạt trực tiếp của cố vấn học tập với tập thể lớp để hỗ trợ và tư vấn học tập cho người học về quy định và hoạt động của Trường/Khoa. Trường/Khoa cần xây dựng chính sách khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học; đa dạng hóa, mở rộng phạm vi các hoạt động ngoại khóa. Trường cần thường xuyên đánh giá hiệu quả để có căn cứ tăng cường số lượng và cải tiến chất lượng các hoạt động ngoại khóa; gia tăng các hoạt động hỗ trợ người học trong việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tham quan, thực tập và hỗ trợ giới thiệu việc làm. Trường cần tăng không gian xanh tại các cơ sở và trên các tòa nhà cao tầng; mở rộng thêm các khu tự học cho người học.

9. Trường cần quan tâm mở rộng diện tích văn phòng làm việc, phòng chức năng và văn phòng Khoa, tạo không gian làm việc thuận lợi cho hoạt động đào tạo và NCKH của đội ngũ lãnh đạo, GV và NV. Tăng cường thêm số bản sách cho các tài liệu giáo trình trong chương trình đào tạo được đánh giá tại Thư viện. Trường cần đầu tư mở rộng diện tích phòng đọc, phòng sinh hoạt tại thư viện; đẩy mạnh việc hợp tác với các thư viện trong và ngoài nước để đa dạng hơn nguồn tài liệu. Trường/Khoa cần tăng cường đầu tư phòng thực hành và trang thiết bị chuyên môn riêng cho chương trình đào tạo được đánh giá để nâng cao kỹ năng thực hành chuyên môn cho người học. Đơn vị phụ trách hệ thống công nghệ thông tin của Trường cần tổ chức sắp xếp trang thiết bị nơi làm việc tại phòng kỹ thuật cho hợp lý. Việc thống kê, phân tích dữ liệu phản hồi của các bên liên quan về môi trường, sức khỏe và an toàn, phòng chống cháy nổ cần được chi tiết hơn làm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến trong những năm sau. Trường cần quan tâm đầu tư trang thiết bị và dụng cụ y tế cho phòng y tế tại cơ sở Ngô Quyền.

10. Trường/Khoa cần cải tiến bảng khảo sát các bên liên quan về chương trình dạy học: tập trung vào các chủ đề chuẩn đầu ra và các mức độ năng lực cần đạt. Hoàn thiện các quy định dự giờ giảng của giảng viên, bảng khảo sát ý kiến phản hồi của người học, hướng dẫn rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của giảng viên để bảo đảm phù hợp với chuẩn đầu ra cụ thể của học phần. Cần có chính sách và chế tài rõ ràng hơn nhằm khuyến khích giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến việc dạy và học để có thể áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học vào hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Trường cần xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá kết quả cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích một cách hệ thống. Cần cải tiến hình thức lấy ý kiến các bên liên quan. Sử dụng công cụ công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu chung để liên thông việc thu thập và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan.

11. Xác định rõ nguyên nhân ảnh hưởng đến việc thôi học của từng trường hợp người học; đánh giá hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ người học và có giải pháp phù hợp hơn để giúp cải thiện tỉ lệ thôi học. Cần tìm hiểu và phân tích nguyên nhân thời gian tốt nghiệp trung bình muộn của người học ngành Ngôn ngữ Nhật một cách rõ ràng, đầy đủ để tìm ra những biện pháp hiệu quả nhằm hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp trung bình. Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của cố vấn học tập trong việc hỗ trợ người học rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Cần tăng cường và cải tiến hoạt động hỗ trợ người học hướng nghiệp, khởi nghiệp, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của địa phương và cả nước. Cần có biện pháp khuyến khích người học ngành Ngôn ngữ Nhật tham gia hoạt động Khoa học công nghệ, các loại hình nghiên cứu dành cho người học, như: thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án khởi nghiệp, các hội thảo khoa học, các cuộc thi học thuật hoặc công bố khoa học trên tạp chí. Cần có quy định và tăng cường giám



sát việc thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục thuộc kiến nghị của Hội đồng, đề nghị Nhà trường và Khoa đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo), Nhà trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định./.